

Số: 71/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, về việc: *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Anh Bùi Đình T, sinh năm 1986;

Nơi thường trú: Tổ 45 cụm G, phường P, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số A ngách B ngõ A Cầu G, phường C, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988;

Nơi thường trú: Tổ 45 cụm G, phường P, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: P C Tập thể T, phường G, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đình T và chị Nguyễn Thị P có đăng ký kết hôn và được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2011 ngày 28/10/2011 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, thành phố Hà Nội cấp. Anh chị chung sống hạnh phúc cho đến tháng 11/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân; Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống của hai vợ chồng không hòa hợp. Nay anh chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh chị cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Bùi Đình T và chị Nguyễn Thị P xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có một con chung là: cháu Bùi Trúc N sinh ngày 24/07/2012. anh T, chị P thỏa thuận: giao cháu Bùi Trúc N cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

[3] Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Đình T tự nguyện chịu cả 300.000 (Bằng chữ: *Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình. *Xét thấy:* Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 08 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đình T và chị Nguyễn Thị P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Bùi Đình T và chị Nguyễn Thị P xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có một con chung là: cháu Bùi Trúc N sinh ngày 24/07/2012. Anh T, chị P thỏa thuận: giao cháu Bùi Trúc N cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị P cho đến khi các bên có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị P được quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Đình T tự nguyện nộp cả 300.000 (Bằng chữ: *Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận anh Bùi Đình T đã nộp 300.000 (Bằng chữ: *Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình (*Biên lai số: 0000260 ngày 07/01/2026*) tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Hà Nội. Xác nhận anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4- Hà Nội;
- Phòng thi hành án khu vực 4- Hà Nội;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Thị Thảo